

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A104

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h45

Ngày thi: 23/03/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	SV6129755	Đặng Đức	Anh	14/7/1999		
2	TA0002	SV6129756	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999		
3	TA0003	SV6129757	Hoàng Hà	Anh	15/2/2000		
4	TA0004	SV6129758	Lê Hoàng	Anh	24/7/1999		
5	TA0005	SV6129759	Nguyễn Phương	Anh	17/8/1999		
6	TA0006	SV6129760	Nguyễn Thị Kim	Anh	22/10/2000		
7	TA0007	SV6129761	Nguyễn Thị Vân	Anh	7/3/2000		
8	TA0008	SV6129762	Phạm Cường	Anh	17/9/1999		
9	TA0009	SV6129763	Trần Đức	Anh	29/11/1999		
10	TA0010	SV6129764	Trần Tiến	Anh	24/2/1999		
11	TA0011	SV6129765	Vũ Thị Quỳnh	Anh	13/12/2022		
12	TA0012	SV6129766	Khổng Ngọc	Ánh	21/6/1999		
13	TA0013	SV6129767	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	1/4/1999		
14	TA0014	SV6129768	Nguyễn Thanh	Bắc	28/6/1999		
15	TA0015	SV6129769	Bùi Văn	Ban	15/7/1999		
16	TA0016	SV6129770	Đỗ Văn	Bằng	02/07/1992		
17	TA0017	SV6129771	Nguyễn Đức	Bảo	16/11/1999		
18	TA0018	SV6129772	Dương Thị Thanh	Bình	8/1/2000		
19	TA0019	SV6129773	Trần Thị	Bình	5/5/2000		
20	TA0020	SV6129774	Vũ Quang	Bình	7/11/1999		
21	TA0021	SV6129775	Trương Minh	Châu	13/6/1999		
22	TA0022	SV6129776	Lê Khánh	Chi	30/12/2000		
23	TA0023	SV6129777	Cao Văn	Chiến	3/8/1999		
24	TA0024	SV6129778	Đỗ Đức	Chính	2/6/1999		
25	TA0025	SV6129779	Lê Quốc	Chinh	21/9/1999		
26	TA0026	SV6129780	Khúc Duy	Chuẩn	14/7/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0027	SV6129781	Nguyễn Duy	Chung	27/2/1999		
28	TA0028	SV6129782	Nguyễn Đình	Chương	25/11/1999		
29	TA0029	SV6129783	Nguyễn Kim	Cương	28/4/1999		
30	TA0030	SV6129784	Lê Việt	Cường	6/1/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)